

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

*

Số 318 -CV/TU

V/v kiểm điểm, đánh giá, xếp loại năm 2025

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lâm Đồng, ngày 14 tháng 11 năm 2025

- Kính gửi:*
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
 - Ban Thường vụ Đảng ủy các xã, phường, đặc khu và các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
 - Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương,
 - Các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp nhà nước.

Thực hiện Quy định số 366-QĐ/TW, ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 43-HD/BTCTW, ngày 31/10/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị, Công văn số 10072-CV/BTCTW, ngày 06/11/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về kiểm điểm, đánh giá, xếp loại năm 2025, **Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu** các cấp ủy, cơ quan, địa phương, đơn vị chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân năm 2025 như sau:

1. Tổ chức quán triệt đầy đủ và triển khai nghiêm túc việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại năm 2025 theo Quy định số 366-QĐ/TW, ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 43-HD/BTCTW, ngày 31/10/2025 của Ban Tổ chức Trung ương. Đồng thời, yêu cầu cấp ủy, cơ quan, địa phương, đơn vị căn cứ Quy định số 366-QĐ/TW, ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị, Hướng dẫn số 43-HD/BTCTW, ngày 31/10/2025 của Ban Tổ chức Trung ương và Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị (*sẽ ban hành trong tháng 11/2025*) khẩn trương lãnh đạo, chỉ đạo, chủ động xây dựng kế hoạch, cụ thể hóa nội dung để tiến hành kiểm điểm tại địa phương, đơn vị mình.

Việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại phải bảo đảm đúng mục đích, yêu cầu, quan điểm, nguyên tắc, đối tượng, nội dung, cách thức, phương pháp, quy trình, thời gian quy định và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chính trị của từng địa phương, cơ quan, đơn vị. Trong đó, cần tập trung vào kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao và mức độ hoàn thành nhiệm vụ chính trị của các địa phương, tổ chức, cơ quan, đơn vị trực thuộc và cá nhân trong phạm vi phụ trách; đối với những khuyết điểm, tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, cần phân tích, đánh giá, làm rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan và đề ra biện pháp khắc phục. Đồng thời, hướng dẫn các cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức, cơ quan, đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại năm 2025.

2. Cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng theo thẩm quyền, quy định.

Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu phải nắm chắc yêu cầu, quy trình, nội dung kiểm điểm tự phê bình và phê bình, đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân. Việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình phải thực sự nghiêm túc, đúng thẩm quyền, trách nhiệm, thẳng thắn, cầu thị, giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, bảo đảm thời gian quy định; khắc phục tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh.

Đồng thời, tiếp tục rà soát, chỉ đạo thực hiện những việc còn tồn đọng; tập trung kiểm điểm, phân tích làm rõ việc khắc phục những hạn chế, khuyết điểm, vi phạm, nhất là việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai khắc phục những hạn chế, khuyết điểm của tập thể, cá nhân ở cơ quan, đơn vị, địa phương (nếu có).

3. Ngoài các nội dung nêu trên, việc kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân trong năm 2025 cần quan tâm một số nội dung sau: (i) Công tác chuẩn bị, tổ chức Đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025-2030; (ii) Công tác chuẩn bị, thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy các tổ chức, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị; sắp xếp đơn vị hành chính; (iii) Công tác chuẩn bị, triển khai vận hành tổ chức bộ máy sau khi sắp xếp mô hình mới, chính quyền địa phương 2 cấp; (iv) Công tác triển khai nhiệm vụ theo các Nghị quyết của Trung ương¹.

4. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện việc gợi ý kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân theo phân cấp quản lý, nhất là ở những nơi có biểu hiện mất đoàn kết, vi phạm nguyên tắc, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nơi có biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, có vấn đề phức tạp, dư luận bức xúc, cán bộ, đảng viên và Nhân dân quan tâm.

5. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và cơ quan liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện việc kiểm tra, giám sát công tác kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân; chỉ đạo kiểm

¹ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 70-NQ/TW, ngày 20/8/2025 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân (gắn với Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện); Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị năm 2025 (của các Tỉnh ủy trước sáp nhập) và 06 tháng cuối năm 2025 (của Tỉnh ủy Lâm Đồng sau sáp nhập)...

điểm lại, đánh giá, xếp loại lại những tập thể, cá nhân kiểm điểm tự phê bình và phê bình chưa đạt yêu cầu, đánh giá, xếp loại chưa đúng quy định. Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện nghiêm nội dung trên theo thẩm quyền.

6. Về thực hiện chế độ báo cáo: Hồ sơ kiểm điểm và đánh giá, xếp loại đối với tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền đánh giá, xếp loại của Ban Thường vụ Tỉnh ủy gửi về Ban Tổ chức Tỉnh ủy **trước ngày 10/01/2026**.

Đối với Ban Thường vụ Đảng ủy các xã, phường, đặc khu và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy: Ngoài nội dung hồ sơ kiểm điểm, đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân theo quy định; đề nghị tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp năm 2025 theo đề cương và biểu mẫu đính kèm.

Riêng các đảng bộ thuộc khối lực lượng vũ trang: Đề nghị triển khai thực hiện việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại theo quy định của ngành mình và báo cáo kết quả về Ban Tổ chức Tỉnh ủy theo đúng thời gian quy định nêu trên.

Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan theo dõi, tổng hợp, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác kiểm điểm, đánh giá, xếp loại năm 2025 và báo cáo Trung ương theo đúng yêu cầu, thời gian quy định.

Nhận được Công văn này, yêu cầu các cấp ủy, địa phương, cơ quan, đơn vị khẩn trương nghiêm túc triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương (b/c),
- Vụ Địa phương III - BTCTW (b/c),
- Như kính gửi (*thực hiện*),
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh,
- Các đồng chí UVBTVTU, Tỉnh ủy viên,
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy,
- Lưu Văn Phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ



Bùi Thắng



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Kết quả kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp năm 2025

(Kèm theo Công văn số 318-CV/TU, ngày 14/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quán triệt, triển khai của cấp ủy các cấp về thực hiện Quy định số 366-QĐ/TW, ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị về kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị (viết tắt là Quy định 366) và Hướng dẫn số 43-HD/BTCTW, ngày 31/10/2025 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn một số nội dung về kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị (viết tắt là Hướng dẫn 43).

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc cụ thể hóa Quy định 366 và Hướng dẫn 43 thành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của địa phương, cơ quan, đơn vị; chú ý việc cụ thể hóa nội dung kiểm điểm và xây dựng bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại (kèm theo phụ lục thống kê số lượng văn bản tổ chức triển khai kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân và bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại đã ban hành theo quy định).

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân.

2. Kết quả thực hiện

2.1. Kết quả kiểm điểm tự phê bình và phê bình

a) Công tác chuẩn bị: Việc chuẩn bị báo cáo kiểm điểm, tổ chức lấy ý kiến góp ý vào báo cáo kiểm điểm; nội dung kiểm điểm; gợi ý kiểm điểm (đối tượng và nội dung gợi ý kiểm điểm)...

b) Về tổ chức thực hiện: Thời gian, cách thức kiểm điểm, trách nhiệm, thẩm quyền, kiểm tra, giám sát việc kiểm điểm...

c) Kết quả thực hiện kiểm điểm tự phê bình và phê bình:

- Kết quả việc kiểm điểm theo các nội dung tại Quy định 366, Hướng dẫn 43 và các văn bản hướng dẫn chỉ đạo của Trung ương và cấp trên.

- Kết quả việc thực hiện gợi ý kiểm điểm (nếu có).

- Việc khắc phục hạn chế, yếu kém, tồn tại; giải quyết những vấn đề nổi cộm, gây bức xúc trong xã hội; những vụ việc phức tạp, tồn đọng kéo dài...

- Việc chỉ đạo kiểm điểm lại những tập thể, cá nhân kiểm điểm tự phê bình và phê bình chưa đạt yêu cầu.

2.2. Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân

- Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức đảng (*đảng bộ cấp trên cơ sở, tổ chức cơ sở đảng, chi bộ trực thuộc*) và đảng viên (*số liệu theo biểu mẫu*).

- Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp (*cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng, cấp cơ sở*) (*số liệu theo biểu mẫu*).

- Phân tích kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng theo từng bộ tiêu chí đã được cụ thể hóa trong các phụ lục của Quy định 366 của Bộ Chính trị (*Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy cụ thể hóa Quy định 366, sẽ ban hành trong tháng 11/2025*).

- Phân tích việc thực hiện quy định về mức xếp loại “*Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*” không vượt quá 20% tổng số tập thể, cá nhân được xếp loại “*Hoàn thành tốt nhiệm vụ*”; không vượt quá 25% đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, nổi trội, tạo sự chuyển biến tích cực, hoàn thành vượt kế hoạch các công việc được giao... (*có minh chứng cụ thể*).

- Việc chỉ đạo đánh giá, xếp loại lại ở những nơi chưa thực hiện đúng quy định.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm và nguyên nhân
2. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân
3. Khó khăn, vướng mắc
4. Bài học kinh nghiệm
5. Một số cách làm hiệu quả (*nếu có*)

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở thực hiện việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị năm..., đề xuất, kiến nghị các giải pháp để nâng cao chất lượng công tác kiểm điểm tự phê bình và phê bình, đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên, tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp. Cụ thể:

1. Đề xuất, kiến nghị với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.
2. Đối với Ban Tổ chức Trung ương.
3. Đối với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Ghi chú:

Cột dọc: (3)=(4)+(5)+(6)+(7)+(10)+(11)+(12)+(25)+(26); (7)=(8)+(9); (12)=(13)+(17)+(22), trong đó: (13)= (14)+(15)+(16); (17)=(18)+(19)+(20)+(21)

Hàng ngang: (1)= (2)+(3)+(4); (4)= (HTTNV)+(HTNV)+(KHTNV); (Không HTNV)= \sum (09 lý do)

(*) Tổng số đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt đảng; đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng; đảng viên mới kết nạp chưa đủ 6 tháng.

... .., ngày... tháng... năm...

TRƯỞNG BAN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên; số điện thoại di động và cố định liên hệ)

ĐẢNG ỦY.....
BAN XÂY DỰNG ĐẢNG

THỐNG KÊ
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC ĐẢNG CẤP TRÊN TRỰC TIẾP CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG
Năm

Biểu số 6C - BTCTW

| TT | Tiêu chí | Tổng số | Chia theo các loại hình tổ chức đảng | | | | | | | | |
|----|------------------------------|------------|--------------------------------------|--------|---------|----------------------------------|------------------|--------------|----------|---------|------------------|
| | | | Xã | Phường | Đặc khu | Cơ quan Đảng MTTQ, tổ chức CT-XH | Cơ quan Nhà nước | Doanh nghiệp | Quân đội | Công an | Đảng bộ khác (1) |
| 1 | 2 | 3=4+...+12 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| 1 | Số có đến cuối năm | | | | | | | | | | |
| 2 | Số đã ĐG, XL chất lượng | | | | | | | | | | |
| - | HTNV | | | | | | | | | | |
| | <i>Trong đó, HTXSNV</i> | | | | | | | | | | |
| | <i>Tỷ lệ HTXSNV/HTNV (2)</i> | | | | | | | | | | |
| - | HTNV | | | | | | | | | | |
| - | Không HTNV | | | | | | | | | | |
| 3 | Số chưa ĐG, XL chất lượng | | | | | | | | | | |

Ghi chú: Cột dọc: (3)=(4)+(5)+...+(12); Hàng ngang: (1)=(2)+(3), trong đó: (2)=(HTNV)+(HTNV)+(KHTNV)

(1) Ghi rõ tên các đảng bộ khác (nếu có)

(2) Nếu vượt từ 20% đến 25%, đề nghị ghi rõ lý do

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên; số điện thoại di động
và cố định liên hệ)

....., ngày... tháng... năm...

TRƯỞNG BAN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

ĐẢNG ỦY.....

BAN XÂY DỰNG ĐẢNG

**THỐNG KÊ
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG
TẬP THỂ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ
Năm**

Biểu số 6Đ - BTCTW

| STT | Tiêu chí | Tổng số | Ban Chấp hành | Ban Thường vụ | Tập thể lãnh đạo, quản lý khác |
|-----------------|--|---------|---------------|---------------|--------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1 | Ở CẤP TRÊN TRỰC TIẾP CỦA TCCSĐ | | | | |
| 1 | Số có đến cuối năm (1=2+3) | | | | |
| 2 | Số chưa ĐG, XL chất lượng | | | | |
| 3 | Số đã ĐG, XL chất lượng | | | | |
| - | HTTNV | | | | |
| | <i>Trong đó, HTXSNV</i> | | | | |
| - | HTNV | | | | |
| - | Không HTNV | | | | |
| <i>Trong đó</i> | Tiết a, Điểm 4.1 (4), Điều 11 Quy định 366 | | | | |
| | Tiết b, Điểm 4.1 (4), Điều 11 Quy định 366 | | | | |
| | Tiết c, Điểm 4.1 (4), Điều 11 Quy định 366 | | | | |
| | Tiết d, Điểm 4.1 (4), Điều 11 Quy định 366 | | | | |

| H | Ồ CẤP CƠ SỞ | | | | |
|-----------------|--|--|--|--|--|
| 1 | Số có đến cuối năm (1=2+3) | | | | |
| 2 | Số chưa ĐG, XL chất lượng | | | | |
| 3 | Số đã ĐG, XL chất lượng | | | | |
| - | HTTNV | | | | |
| | <i>Trong đó, HTXSNN</i> | | | | |
| - | HTNV | | | | |
| - | Không HTNV | | | | |
| <i>Trong đó</i> | Tiết a, Điểm 4.1 (4), Điều 11 Quy định 366 | | | | |
| | Tiết b, Điểm 4.1 (4), Điều 11 Quy định 366 | | | | |
| | Tiết c, Điểm 4.1 (4), Điều 11 Quy định 366 | | | | |
| | Tiết d, Điểm 4.1 (4), Điều 11 Quy định 366 | | | | |

Ghi chú: Hàng ngang: (1)=(2)+(3), trong đó: (3)=(HTTNV)+(HTNV)+(KHTNV);
(Không HTNV)= \sum (04 lý do tại Điểm 4.1 (4), Điều 11 Quy định 366);

....., ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên; số điện thoại di động
và cố định liên hệ)

TRƯỞNG BAN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

ĐẢNG ỦY.....

BAN XÂY DỰNG ĐẢNG

THỐNG KÊ

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

Năm

Biểu số 6E - BTCTW

| STT | Chức danh | Tổng số có đến cuối năm | Tổng số chưa được đánh giá, xếp loại chất lượng | Tổng số đã được đánh giá, xếp loại chất lượng | Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng | | | |
|----------|-------------------------------------|-------------------------|---|---|---------------------------------------|--|---------------------|---------------------------|
| | | | | | Hoàn thành tốt nhiệm vụ | Trong đó, Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | Hoàn thành nhiệm vụ | Không hoàn thành nhiệm vụ |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 = 6+8+9 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| 1 | CẤP TRÊN TRỰC TIẾP CỦA TCCSĐ | | | | | | | |
| | Bí thư | | | | | | | |
| | Phó bí thư | | | | | | | |
| | Ủy viên Ban thường vụ | | | | | | | |
| | <i>Tổng cộng</i> | | | | | | | |
| 2 | CẤP CƠ SỞ | | | | | | | |
| | Bí thư | | | | | | | |
| | Phó bí thư | | | | | | | |
| | Ủy viên Ban thường vụ | | | | | | | |
| | Ủy viên Ban Chấp hành (*) | | | | | | | |
| | <i>Tổng cộng</i> | | | | | | | |

Ghi chú: Cột dọc: (3)=(4)+(5); (5)=(6)+(8)+(9).

* Nơi không có ủy viên ban thường vụ thì xếp loại ủy viên ban chấp hành.

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên; số điện thoại di động và cố định liên hệ)

....., ngày... tháng... năm...

TRƯỞNG BAN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

ĐẢNG ỦY
BAN XÂY DỰNG ĐẢNG

THỐNG KÊ
KẾT QUẢ KIỂM ĐIỂM TỰ PHÊ BÌNH VÀ PHÊ BÌNH
Năm

Biểu số 6F - BTCTW

| TT | Nội dung | Tập thể | Đảng viên |
|-----|---|---------|-----------|
| 1 | Tổng số đảng viên | | |
| 2 | Số thuộc diện kiểm điểm tự phê bình và phê bình | | |
| 2.1 | Số lượng đã kiểm điểm tự phê bình và phê bình | | |
| 2.2 | Số lượng chưa kiểm điểm tự phê bình và phê bình | | |
| 3 | Số không thuộc diện kiểm điểm tự phê bình và phê bình | | |
| 3.1 | Số tập thể thành lập mới, chia tách, sáp nhập chưa đủ 6 tháng | | |
| 3.2 | Đảng viên mới kết nạp dưới 6 tháng | | |
| 3.3 | Đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt đảng | | |
| 3.4 | Đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng | | |
| 4 | Số được gọi ý kiểm điểm | | |
| 4.1 | Thuộc diện ban thường vụ cấp ủy cấp trên của TCCSD quản lý | | |
| 4.2 | Thuộc diện đảng ủy cơ sở quản lý | | |

Ghi chú: (1)=(2)+(3); (2)= (2.1)+(2.2); (3-đảng viên)=(3.2)+(3.3)+(3.4);
(4)=(4.1)+(4.2)+(4.3)

....., ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên; số điện thoại di động)

TRƯỞNG BAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)